TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỳ

2. Bà Vũ Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà AA, đường Nguyễn Trung Trực, tổ Y, Khu phố X, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm 1968;

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà AA, đường Nguyễn Trung Trực, tổ Y, Khu phố X, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2020, các bản khai nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn năm 1995, được UBND thị trấn V, huyện V cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/1995. Đến khoảng tháng 7/2000, ông T chạy xe ôm chở khách đi rồi từ đó không trở về nữa. Bà H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu,

tỉnh Đồng Nai chấp nhận theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2020/QĐST-DS ngày 31/7/2020. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Trần Anh T sinh năm 1996, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Cẩm H khởi kiện ông Trần T yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại: Thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Về quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu ly hôn với ông Trần T nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn".

Bị đơn ông Trần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn năm 1995, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 216 ngày 14/7/1995, căn cứ các Điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống ông Trần T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ

năm 2000. Bà H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với ông T và được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống Bà H và ông T có 01 con chung tên Trần Anh T sinh năm 1996, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm H được ly hôn với ông Trần T.

- Về con chung: Con chung Trần Anh T sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003317 ngày 28/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Quang